

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**  
**21/6D Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÍ 3 NĂM 2013**

*Tháng 10 năm 2013*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đvt: VND	
			30/09/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174.254.752.316</b>	<b>171.402.494.751</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>19.019.352.142</b>	<b>34.976.093.331</b>
1. Tiền	111		9.369.352.142	1.576.093.331
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.650.000.000	33.400.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>64.600.000.000</b>	<b>47.900.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		64.600.000.000	47.900.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.686.574.324</b>	<b>22.586.275.781</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		17.915.601.389	20.675.506.279
2. Trả trước cho người bán	132		965.470.677	1.465.115.479
3. Các khoản phải thu khác	135		1.805.502.258	445.654.023
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>65.793.210.833</b>	<b>61.736.293.239</b>
1. Hàng tồn kho	141		66.393.210.833	62.736.293.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(600.000.000)	(1.000.000.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.155.615.017</b>	<b>4.203.832.400</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.113.924.528	559.730.450
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.213.448.452	1.958.804.710
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.828.242.037	1.685.297.240
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>83.335.717.553</b>	<b>85.693.177.552</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>28.744.905</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		28.744.905	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.916.282.918</b>	<b>55.886.231.165</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	32.872.297.117	33.749.855.430
- Nguyên giá	222		73.328.983.796	71.424.160.846
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.456.686.679)	(37.674.305.416)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	12.537.925.708	12.727.872.823
- Nguyên giá	228		15.084.334.013	15.084.334.013
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.546.408.305)	(2.356.461.190)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	8.506.060.093	9.408.502.912
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.390.689.730</b>	<b>29.806.946.387</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>9</b>	26.960.188.493	27.856.083.680
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.160.501.237	1.680.862.707
3. Tài sản dài hạn khác	268		270.000.000	270.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>257.590.469.869</b>	<b>257.095.672.303</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/09/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>71.561.258.219</b>	<b>96.386.171.709</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.011.893.219</b>	<b>92.963.476.709</b>
1. Vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn	311	10	25.424.503.680	53.732.904.022
2. Phải trả người bán	312		8.147.607.410	9.913.495.842
3. Người mua trả tiền trước	313		4.915.473.194	2.615.435.816
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	11	10.903.007.674	5.634.079.195
5. Phải trả người lao động	315		4.248.082.074	3.450.345.000
6. Chi phí phải trả	316		10.649.100.599	12.575.178.280
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.192.621.452	1.695.075.564
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.531.497.136	3.346.962.990
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.549.365.000</b>	<b>3.422.695.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.549.365.000	2.422.695.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
4. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.029.211.650</b>	<b>160.709.500.594</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>186.029.211.650</b>	<b>160.709.500.594</b>
1. Vốn cổ phần	411		103.723.650.000	103.723.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.856.593.370	2.856.593.370
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	416		(137.212.867)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.688.104.867	9.688.104.867
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.981.235.647	8.981.235.647
5. Cổ phiếu quỹ	419		-	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		60.916.840.633	35.459.916.710
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>257.590.469.869</b>	<b>257.095.672.303</b>



Lê Hồng Thắng  
Tổng giám đốc  
Ngày 18 tháng 10 năm 2013

Bùi Phương Thảo  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 3/2013	Từ 1/1/2013 đến 30/09/2013	Quý 3/2012	Từ 1/1/2012 đến 30/09/2012
1. Doanh thu bán hàng	01		65.507.032.416	164.643.320.513	62.856.636.836	164.318.220.390
2. Các khoản giảm trừ	02		(164.745.969)	(590.956.826)	(193.636.228)	(421.612.580)
3. Doanh thu thuần từ bán hàng	10		65.342.286.447	164.052.363.687	62.663.000.608	163.896.607.810
4. Giá vốn hàng bán	11		(41.465.886.069)	(106.139.674.908)	(44.821.852.237)	(114.927.700.540)
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng	20		23.876.400.378	57.912.688.779	17.841.148.371	48.968.907.270
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	1.568.880.071	4.877.815.698	1.663.742.897	4.888.159.060
7. Chi phí tài chính	22	14	(391.020.748)	(1.775.265.626)	(652.515.890)	(1.360.667.331)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(203.976.584)	(864.465.745)	601.131.236	1.040.534.093
8. Chi phí bán hàng	24		(3.469.147.340)	(9.820.388.471)	(3.157.685.816)	(9.551.675.884)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(4.955.436.786)	(13.840.002.983)	(4.774.770.370)	(13.632.938.335)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		16.629.675.575	37.354.847.397	10.919.919.192	29.311.784.780
11. Thu nhập khác	31	15	1.478.660.190	1.958.181.395	316.377.335	969.392.845
12. Chi phí khác	32	15	(1.141.809.571)	(1.246.890.133)	(17.483.531)	(50.250.338)
13. Lợi nhuận / (Lỗ) khác	40	15	336.850.619	711.291.262	298.893.804	919.142.507
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		16.966.526.194	38.066.138.659	11.218.812.996	30.230.927.287
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	(4.985.403.037)	(10.260.306.162)	(1.963.292.273)	(5.413.715.148)
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		479.638.530	479.638.530	-	313.700.949
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghi	60		12.460.761.687	28.285.471.027	9.255.520.723	25.130.913.088
18. Đại cơ bản trên cổ phiếu	70	17	1.201	2.727	892	2.423

*Nguyễn*

*Ulla*

**Lê Hồng Thắng**  
Tổng giám đốc  
Ngày 18 tháng 10 năm 2013

**Bùi Phương Thảo**  
Kế toán trưởng

**Trần Nguyễn Việt Trung**  
Lập biểu





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

CHỈ TIÊU		Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>38.066.138.659</b>	<b>30.230.927.287</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ	02	3.214.951.326	3.300.149.799
Các khoản dự phòng	03	(400.000.000)	(3.006.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	434.208.371	-
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(4.075.667.501)	(4.624.222.528)
Chi phí lãi vay	06	864.465.745	1.040.534.093
<b>3 Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>38.104.096.600</b>	<b>26.941.388.651</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(6.934.678.525)	(5.435.003.386)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	(3.656.917.593)	(8.218.238.463)
Tăng giảm phải trả (không bao gồm thuế TNDN phải nộp)	11	(7.272.907.909)	4.373.481.914
Tăng giảm chi phí trả trước	12	341.701.109	242.585.189
Tiền lãi vay đã trả	13	(918.276.240)	(944.392.817)
Thuế TNDN đã nộp	14	(5.115.537.320)	(3.300.767.445)
Thu khác cho hoạt động kinh doanh (từ QPL, PT)	15	110.019.000	74.562.000
Chi khác cho hoạt động kinh doanh (từ QPL, PT)	16	(3.703.845.000)	(4.701.536.595)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>10.953.654.122</b>	<b>9.032.079.048</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1 Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ	21	(2.620.044.596)	(2.713.297.600)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	715.000.000	147.451.664
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5 Lãi tiền gửi đã thu	27	3.847.612.429	1.966.814.533
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>1.942.567.833</b>	<b>(599.031.403)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	77.557.811.326	86.143.710.823
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(106.410.774.470)	(41.173.205.744)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(20.744.730.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(28.852.963.144)</b>	<b>24.225.775.079</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<b>50</b>	<b>(15.956.741.189)</b>	<b>32.658.822.724</b>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu quý</i>	<b>60</b>	<b>34.976.093.331</b>	<b>39.610.796.496</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối quý</i>	<b>70</b>	<b>19.019.352.142</b>	<b>72.269.619.220</b>

Ánh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

Tiền và tương đương tiền cuối quý

Lê Hồng Thắng  
Tổng giám đốc  
Ngày 18 tháng 10 năm 2013

Bùi Phương Thảo  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2000, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 là 1060 người (năm 2012 là 1.056 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 12
Thiết bị văn phòng	6 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 9

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Thuê**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

<b>4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Tiền mặt	101.891.114	249.849.939
Tiền gửi ngân hàng	9.267.461.028	1.326.243.392
Các khoản tương đương tiền (*)	9.650.000.000	33.400.000.000
	<b>19.019.352.142</b>	<b>34.976.093.331</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là số tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn dưới 1 tháng, lãi suất từ 1,2% năm

<b>5. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Nguyên liệu, vật liệu	47.811.742.964	46.378.664.784
Công cụ, dụng cụ	434.009.287	532.112.589
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.024.541.831	3.748.620.683
Thành phẩm	11.122.916.752	11.637.493.806
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	-	439.401.377
	66.393.210.833	62.736.293.239
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(600.000.000)	(1.000.000.000)
	<b>65.793.210.833</b>	<b>61.736.293.239</b>

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ	NCKT	MMTB	PTVT	TBQL	
Tại ngày 31/12/2012	33.769.154.340	32.226.998.404	3.343.559.556	2.084.448.546	71.424.160.846
Tăng trong kỳ	-	110.000.000	2.383.684.818	-	2.493.684.818
Chuyển từ chi phí XDCB dở dang					-
Thanh lý	(12.926.400)	-	(562.935.468)	(13.000.000)	(588.861.868)
Tại ngày 30/09/2013	<b>33.756.227.940</b>	<b>32.336.998.404</b>	<b>5.164.308.906</b>	<b>2.071.448.546</b>	<b>73.328.983.796</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 31/12/2012	10.647.616.964	23.813.300.727	1.374.280.744	1.839.106.981	37.674.305.416
Khấu hao trong kỳ	1.036.634.868	1.662.195.698	321.743.236	94.114.135	3.114.687.937
Thanh lý	(73.210.385)	-	(228.545.748)	(30.550.541)	(332.306.674)
Tại ngày 30/09/2013	<b>11.611.041.447</b>	<b>25.475.496.425</b>	<b>1.467.478.232</b>	<b>1.902.670.575</b>	<b>40.456.686.679</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<b>23.121.537.376</b>	<b>8.413.697.677</b>	<b>1.969.278.812</b>	<b>245.341.565</b>	<b>33.749.855.430</b>
Tại ngày 30/09/2013	<b>22.145.186.493</b>	<b>6.861.501.979</b>	<b>3.696.830.674</b>	<b>168.777.971</b>	<b>32.872.297.117</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2013 là 17.474.145.108 đồng

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ	QSDD	PMMT	
Tại ngày 31/12/2012	14.917.549.433	166.784.580	15.084.334.013
Tăng trong năm	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

*Chuyên từ chi phí*

*XDCB dở dang*

Thanh lý

Tại ngày 30/09/2013

<b>14.917.549.433</b>	<b>166.784.580</b>	<b>15.084.334.013</b>
-----------------------	--------------------	-----------------------

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 31/12/2012

2.189.676.610	166.784.580	2.356.461.190
---------------	-------------	---------------

Khấu hao trong kỳ

189.947.115	-	189.947.115
-------------	---	-------------

Thanh lý

-	-	-
---	---	---

Tại ngày 30/09/2013

<b>2.379.623.725</b>	<b>166.784.580</b>	<b>2.546.408.305</b>
----------------------	--------------------	----------------------

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2012

<b>12.727.872.823</b>	-	<b>12.727.872.823</b>
-----------------------	---	-----------------------

Tại ngày 30/09/2013

<b>12.537.925.708</b>	-	<b>12.537.925.708</b>
-----------------------	---	-----------------------

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM với giá trị còn lại là 2.100.813.399 đồng (năm 2011: 2.100.813.399 đồng). Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn có giá trị còn lại là 6.208.333.323 đồng (năm 2012: 6.333.333.324 đồng) và được khấu hao trong suốt 45 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2005

- Quyền sử dụng đất có thời hạn có giá trị còn lại là 4.228.778.986 đồng (năm 2012: 4.293.726.100 đồng) và được khấu hao trong suốt 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 21 tháng 09 năm 2012

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Số dư đầu kỳ

<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
-------------------	-------------------

9.408.502.912	17.335.126.825
---------------	----------------

Tăng

-	517.680.330
---	-------------

Thanh lý

(902.442.819)	(241.430.399)
---------------	---------------

Kết chuyển sang TSCĐ

-	(58.554.230)
---	--------------

Kết chuyển sang chi phí trả trước

-	(7.298.969.558)
---	-----------------

Điều chỉnh khác

-	(845.350.056)
---	---------------

Tại ngày 30/09/2013

<b>8.506.060.093</b>	<b>9.408.502.912</b>
----------------------	----------------------

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ là chi phí vật tư xây dựng nhà máy Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Tiền thuê đất trả trước và chi phí đền bù đất

<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
-------------------	-------------------

26.645.054.913	26.400.826.357
----------------	----------------

Chi phí trả trước dài hạn khác

315.133.580	1.455.257.323
-------------	---------------

<b>26.960.188.493</b>	<b>27.856.083.680</b>
-----------------------	-----------------------

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

<b>USD 30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
-----------------------	-------------------	-------------------

Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)

601.088,	12.670.935.040	2.981.727.935
----------	----------------	---------------

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)

-	-	29.809.267.032
---	---	----------------

Ngân hàng HSBC

-	-	2.497.800.000
---	---	---------------

Ngân hàng Phát triển nhà

-	-	3.642.625.000
---	---	---------------

Ngân hàng Commonwealth.

605.008,	12.753.568.640	14.801.484.055
----------	----------------	----------------

<b>1.206.096</b>	<b>25.424.503.680</b>	<b>53.732.904.022</b>
------------------	-----------------------	-----------------------



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

Khoản vay từ Eximbank, Commonwealth thể hiện khoản vay tín chấp bằng ngoại tệ kỳ hạn 6 tháng.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Thuế GTGT hàng nhập khẩu

Thuế xuất nhập khẩu

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	79.880.639	-
	238.326.422	172.291.069
	10.542.547.820	5.397.778.978
	42.252.793	64.009.148
	<b>10.903.007.674</b>	<b>5.634.079.195</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**  
 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 31/12/2012	103.723.650.000	2.856.593.370	-	9.688.104.867	8.981.235.647	(137.212.867)	35.459.916.710	160.709.500.594
Lợi nhuận trong kỳ							28.285.471.027	28.148.258.160
Trích các quỹ từ lợi nhuận							(2.828.547.104)	(2.828.547.104)
Chi trả cổ tức							-	-
Điều chỉnh khác								
Tại ngày 30/09/2013	103.723.650.000	2.856.593.370	-	9.688.104.867	8.981.235.647	(137.212.867)	60.916.840.633	186.029.211.650

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập bằng 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền là 2.828.547.104 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 7-13/NQ-ĐT ngày 13/04/2013.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	10.372.365	10.372.365
- <i>Cổ phiếu thường</i>	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu thường</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.372.365	10.372.365
- <i>Cổ phiếu thường</i>	10.372.365	10.372.365
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

<b>13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012</b>
Lãi tiền gửi	4.176.054.836	4.605.500.066
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	631.058.456	168.091.224
Chiết khấu thanh toán	70.702.406	114.567.770
	<b>4.877.815.698</b>	<b>4.888.159.060</b>

<b>14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012</b>
Chi phí lãi vay	864.465.745	1.040.534.093
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	589.920.935	318.418.238
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	320.186.646	
Chiết khấu thanh toán	692.300	1.715.000
	<b>1.775.265.626</b>	<b>1.360.667.331</b>

<b>15. LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.136.445.000	40.454.545
Thu từ bán phế liệu	707.440.225	853.362.818
Tài trợ từ Quỹ Danida	-	-
Các khoản thu nhập khác	114.296.170	75.575.482
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.958.181.395</b>	<b>969.392.845</b>
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	1.236.832.335	21.732.083
Các khoản chi phí khác	10.057.798	28.518.255
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.246.890.133</b>	<b>50.250.338</b>
<b>Lợi nhuận/lỗ khác</b>	<b>711.291.262</b>	<b>919.142.507</b>

<b>16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>38.066.138.659</b>	<b>30.230.927.287</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế		-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.975.085.988	
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>41.041.224.647</b>	<b>30.230.927.287</b>
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	10.260.306.162	7.557.731.822
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm		(2.144.016.674)
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>10.260.306.162</b>	<b>5.413.715.148</b>

**17. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở số liệu sau:

	<b>Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013</b>	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012</b>
Lợi nhuận sau thuế	28.285.471.027	25.130.913.088
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.285.471.027	25.130.913.088
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.372.365	10.372.365
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.727</b>	<b>2.423</b>

**18. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Quý 3/2013</b>	<b>Quý 3/2012</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Lợi nhuận sau thuế	12.460.761.687	9.255.520.723	135%
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.460.761.687</b>	<b>9.255.520.723</b>	<b>135%</b>

Các nguyên nhân ảnh hưởng chính đến kết quả kinh doanh Quý 3/2013:

- Doanh thu Quý 3/2013 tăng nhiều trong khi các chi phí quản lý thì cố định, chi phí bán hàng thì không tăng nhiều nên lợi nhuận sau thuế của Quý 3/2013 tăng.

- Công ty cải tiến quy trình để tiết kiệm nguyên vật liệu cũng như tìm được nguồn nguyên liệu giá tốt, chất lượng tốt nên giá thành sản xuất giảm dẫn đến lợi nhuận tăng.

**Lê Hồng Thắng****Tổng giám đốc**

Ngày 18 tháng 10 năm 2013

**Bùi Phương Thảo****Kế toán trưởng**